

# TỪ CẢI CÁCH TRANG PHỤC DƯỚI THỜI VÕ VƯƠNG NGUYỄN PHÚC KHOÁT VÀ VUA MINH MẠNG NGHĨ ĐẾN TƯ TƯỞNG THỐNG NHẤT, TỰ CHỦ VỀ VĂN HÓA

Phan Thanh Hải\*

## 1. Lời dẫn

Trong lịch sử Việt Nam, đối với các triều đại trước thời Nguyễn, mà tiêu biểu là dưới thời Lê, sự thay đổi trang phục hầu như chỉ diễn ra ở tầng lớp hoàng thân quốc thích, quý tộc, quan lại, chủ yếu là trang phục dành cho đời sống hoàng gia và việc thực hành các nghi lễ tế tự trong cung đình (tức Lễ phục và Tế phục). Trong khi đó, Võ vương Nguyễn Phúc Khoát (giữ ngôi chúa ở Đàng Trong 1738-1765) và vua Minh Mạng (1820-1841) đã chủ trương cải cách toàn diện đời sống xã hội, dân chúng phải thay đổi trang phục để phân biệt Đàng Trong với Đàng Ngoài và Đại Nam<sup>(1)</sup> với Trung Hoa. Vấn đề cải cách trang phục dưới thời Võ vương Nguyễn Phúc Khoát và vua Minh Mạng không chỉ dừng lại ở hình thức và chỉ trong bộ phận tinh hoa, mà còn thực hiện một cách triệt để, toàn diện đối với mọi tầng lớp xã hội. Điều đó đã phản ánh tư tưởng thống nhất, tự chủ về văn hóa của triều đại đang trong thời kỳ hưng thịnh. Hai sự kiện lịch sử này cũng là tiền đề rất quan trọng để chiếc áo dài Huế - áo dài Ngũ thân ra đời và được phổ biến rộng rãi từ Nam ra Bắc. Áo dài Ngũ thân trở thành trang phục của mọi tầng lớp trong xã hội, từ vua chúa, quý tộc, quan lại cho đến thường dân nam nữ và chính thức trở thành quốc phục của dân tộc. Hai sự kiện lịch sử trên cũng chứng minh rằng, Huế vừa là chiếc nôi sản sinh ra áo dài, vừa là kinh đô áo dài của Việt Nam.

Trong bài viết này, chúng tôi sẽ trình bày những tư liệu phản ánh bối cảnh lịch sử, công cuộc cải cách trang phục dưới thời Võ vương Nguyễn Phúc Khoát và vua Minh Mạng, đồng thời chứng minh việc cải cách trang phục này nhằm mục đích thể hiện tư tưởng thống nhất, tự chủ về văn hóa của triều đại; tạo cơ sở quan trọng cho sự hình thành, phát triển chiếc áo dài và dần chính thức trở thành quốc phục của dân tộc Việt Nam trong lịch sử.

## 2. Bối cảnh lịch sử Đàng Trong và Đại Nam: tiền đề của cuộc cải cách trang phục dưới thời Võ vương Nguyễn Phúc Khoát và vua Minh Mạng

Thuận Hóa khi chúa Nguyễn Hoàng (1558-1613) mới vào trấn nhậm là vùng đất vô cùng phức tạp, nổi danh là xứ “*Ô châu ác địa*”, nơi tập hợp đủ mọi thành

\* Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Thừa Thiên Huế.

phần xã hội, từ cư dân lưu tán từ miền Bắc vào, lực lượng ủng hộ nhà Mạc, thành phần trộm cướp, tội phạm trốn chạy để né tránh sự truy đuổi của triều đình nhà Lê và một bộ phận cư dân bản địa vốn có văn hóa, tín ngưỡng, trang phục hoàn toàn khác. Vì vậy, chính sách cai trị ban đầu của chúa Nguyễn Hoàng chủ yếu là Đức trị kết hợp với những biện pháp an dân. Với chính sách ấy ông đã dần ổn định được tình hình và biến Thuận Hóa trở thành “*nơi đô hội lớn*”. Cũng từ đó, từ đầu thế kỷ XVII trở đi, ý thức muốn độc lập tự chủ và tách ra khỏi triều đình Lê Trịnh ở Đàng Ngoài đã mạnh mẽ và ngày càng chín muồi. Kế tục sự nghiệp của chúa Nguyễn Hoàng, các chúa Nguyễn tiếp theo đã đề ra những đường lối, chủ trương, chính sách phù hợp với hoàn cảnh mới để đẩy mạnh công cuộc Nam tiến, mở mang bờ cõi, mở rộng quan hệ quốc tế, phát triển kinh tế hàng hóa và giao thương với các nước...; xây dựng và lập nên một vùng đất Đàng Trong vững mạnh, tự cường và đủ sức đối trọng với Đàng Ngoài.

Dưới thời chúa Nguyễn Phúc Khoát (1738-1765), vị chúa đời thứ 8, tình hình kinh tế xã hội Đàng Trong đã ổn định và bước vào giai đoạn phát triển đến đỉnh cao. Nhờ có sự phát triển mạnh mẽ của các ngành kinh tế sản xuất hàng hóa và hoạt động giao thương mà Đàng Trong trở nên giàu có, phồn thịnh; chính quyền được xây dựng vững chắc, đủ sức đối trọng với Đàng Ngoài và các thế lực thù địch. Thông qua hoạt động của ngoại thương, Đàng Trong trở nên nổi tiếng và được biết đến như là vương quốc riêng của họ Nguyễn, mọi thư từ trao đổi được xếp ngang hàng với những quốc gia độc lập khác như ở Đàng Ngoài.

Nếu năm 1698, chủ quyền đất nước chỉ mới đến vùng Gia Định, Đồng Nai thì đến giữa thế kỷ XVIII, ranh giới phía Nam Đàng Trong đã trải dài tới vùng đất Cà Mau, Rạch Giá; lãnh thổ Đàng Trong tương đương với toàn bộ lãnh thổ miền Nam nước ta hiện nay. Công lao khai phá của chúa Nguyễn Phúc Khoát đối với đất nước là rất lớn. Có một cơ ngơi ổn định, năm 1744, ông cho gọi Thủ phủ Phú Xuân là Đô thành, xưng vương hiệu và tiến hành cải cách nhiều mặt, bao gồm cả bộ máy chính quyền, cả chế độ Y quan và Lễ nhạc,<sup>(2)</sup> và xa hơn, rộng hơn là cải cách về cả trang phục của các tầng lớp dân chúng (thường phục).

Từ đời chúa Nguyễn Hoàng đến đời chúa Nguyễn Phúc Chú (1725-1738), các chúa Nguyễn luôn giữ phận là thần tử của vua Lê, chỉ giữ tước Công, phong bách thần thì xưng là “*Tiết chế các xứ thủy bộ dinh Thái phó*”, bỏ quan lại thì dùng các chữ “*Thị phó*”, “*Thị hạ*” và ký là “*Thái phó Quốc công*”, dùng ấn “*Tổng trấn Tướng quân*”, thần dân có việc khai trình thì dùng chữ “*thân*”, nơi chúa ở gọi là “*phủ*”. Nhưng đến đời chúa Nguyễn Phúc Khoát thì có một sự thay đổi lớn, chúa xưng vương hiệu, phủ được đổi thành “*điện*”, thân đổi thành “*tấu*”; thay ấn “*Thái phó Quốc công*” bằng ấn “*Quốc vương*”; đổi Chính dinh làm Đô thành. Chúa lệnh ban chiếu đại xá trong nước và truy tôn tước vương cho các đời trước

từ Nguyễn Kim, Nguyễn Hoàng trở xuống.<sup>(3)</sup> Võ vương Nguyễn Phúc Khoát mặc dù trong văn thư vẫn dùng niên hiệu vua Lê, nhưng với các thuộc quốc đã xưng là Thiên vương. Đàng Trong đã mang dáng dấp của một vương quốc hoàn bị và người đứng đầu đã tỏ rõ thái độ độc lập. Như vậy, các chúa Nguyễn đã có công lao to lớn trong việc khai phá, phát triển vùng đất Đàng Trong và đặt nền móng cho sự thống nhất và phát triển về nhiều mặt: lãnh thổ, văn hóa, xã hội của đất nước ở giai đoạn sau. Đây là cơ sở để đầu thế kỷ XIX, Huế tiếp tục được Hoàng đế Gia Long chọn làm Kinh đô của đất nước thống nhất.

Triều Nguyễn được thành lập đầu thế kỷ XIX sau khi Nguyễn Phúc Ánh thống nhất đất nước từ Ải Nam Quan đến Mũi Cà Mau. Chọn Hoàng tử Đảm (vua Minh Mạng sau này) kế vị ngai vàng, vua Gia Long (1802-1820) đã nhận thấy được trí tuệ cùng khả năng vượt trội của một con người tài giỏi, cứng rắn có thể giải quyết được các công việc phức tạp của triều đình và đất nước lúc bấy giờ. Vua Minh Mạng được xem là một vị vua năng động, sáng tạo, quyết đoán, tinh thông Nho học, coi trọng học vấn và là nhà chính trị, quân sự tài ba. Đất nước mà ông tiếp quản từ vua cha vừa trải qua một thế kỷ dài loạn lạc binh đao, gần 20 năm trị vì của vua Gia Long chưa thể hoàn toàn quy tụ lòng người về một mối. Triều đình vẫn phải lựa chọn giải pháp phân quyền có điều kiện: trực trị miền Trung, gián trị miền Bắc và miền Nam qua việc lập Bắc thành và Gia Định thành.

Sau khi lên nối nghiệp vua Gia Long, vua Minh Mạng đã cho đổi quốc hiệu từ **Việt Nam** thành **Đại Nam (hay Đại Việt Nam Quốc)** vào năm Minh Mạng thứ 19 (1838). Ông vừa củng cố nội trị, phát triển kinh tế, giáo hóa thuần phong mỹ tục, thay đổi trang phục, vừa theo dõi và quan sát các nước trong khu vực, đề phòng mối họa từ bên ngoài. Mặt khác, nhà vua còn nỗ lực thực hiện các chính sách nhằm xóa bỏ quyền lực các địa phương khi chúng trở thành những trở lực cho sự thống nhất về ý thức, văn hóa và lãnh thổ quốc gia. Vì vậy, dưới thời vua Minh Mạng, rất nhiều chính sách cải cách từ nội trị đến ngoại giao đã được thực thi giúp cho đất nước giai đoạn ông trị vì là thời kỳ thịnh trị nhất trong lịch sử quân chủ nhà Nguyễn.

Những cải cách dưới triều vua Minh Mạng cai trị được các nhà nghiên cứu lịch sử so sánh với cải cách của vua Lê Thánh Tông năm 1471 và đánh giá là một trong hai cuộc cải cách có quy mô lớn nhất và đạt hiệu quả cao nhất trong lịch sử nhà nước quân chủ Việt Nam. Đặc biệt, nếu vua Gia Long là người có công lao lớn trong việc thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ, lãnh hải thì vua Minh Mạng chính là người có công lao lớn trong việc thống nhất văn hóa dân tộc, hoàn chỉnh và điển chế hóa chế độ Lễ nhạc, Y quan. Riêng về chế độ Y quan, không chỉ đối với Triều phục, Tế phục mà ngay cả đối với Thường phục, Hoàng đế Minh Mạng đã hoàn thành việc cải cách, thống nhất trang phục, đưa Áo dài Huế - Áo dài Ngũ thân trở

thành quốc phục của Việt Nam. Đánh giá về con người cũng như sự nghiệp của vua Minh Mạng, Trần Trọng Kim viết trong sách *Việt Nam sử lược*: “Trong đời vua Thánh Tổ làm vua, pháp luật, chế độ điều gì cũng sửa sang lại cả, làm thành một nước có cương kỷ..., ngài là một ông vua thông minh, có quả cảm, hết lòng lo việc nước, tưởng về bản triều nhà Nguyễn chưa có ông vua nào làm được nhiều công việc hơn ngài vậy”.<sup>(4)</sup>

Nhìn lại bối cảnh lịch sử thời kỳ này, việc Võ vương Nguyễn Phúc Khoát và vua Minh Mạng ban hành đạo luật thay đổi trang phục và thực hiện cuộc cải cách trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội là kết quả tất yếu của một quá trình vận động và biến đổi trong đời sống kinh tế, chính trị, xã hội Đàng Trong và Đại Nam đã bắt đầu xuất hiện từ trước đó khá lâu. Sự cải cách thời Võ vương Nguyễn Phúc Khoát và vua Minh Mạng là sự thay đổi về tư duy chính trị, khẳng định bản sắc văn hóa, thể hiện rõ nét nhất qua việc thay đổi kiểu trang phục thống nhất trong toàn quốc. Đây cũng là tiền đề lịch sử rất quan trọng để hình thành và phát triển chiếc áo dài truyền thống Việt Nam.

### **3. Cuộc cải cách trang phục dưới thời Võ vương Nguyễn Phúc Khoát và vua Minh Mạng: khẳng định về một đất nước thống nhất, tự chủ về văn hóa**

Tại vùng đất Đàng Trong khi còn là đất Champa, xét về thường phục, đàn ông, đàn bà vốn thường quấn ngang mình bằng một mảnh vải cỏ bôi từ lưng trở xuống, hoặc họ đã biết dệt lĩnh, dệt vải làm đồ mặc trong sinh hoạt đời sống hàng ngày, nhưng nhìn chung hàng tơ lụa thì chưa xuất hiện. Sau khi người Việt, người Hoa vào khai khẩn vùng đất Đàng Trong, mang theo nghề ươm tơ, dệt lụa nên dân Đàng Trong luôn có đủ quần áo để mặc, với nhiều loại màu sắc khác nhau chủ yếu là hàng lụa, gấm vóc. Họ mặc thoải mái trong lao động mà không cần phải lo giữ gìn, như giáo sỹ C.Borri khi đến Đàng Trong từ 1618 đến 1622 đã viết khá rõ về cách ăn mặc của người phụ nữ như sau: “Bắt đầu từ phái nữ, phải công nhận rằng cách ăn mặc của họ tôi vẫn coi là giản dị hơn khắp cõi Ấn Độ, vì họ không để lộ một phần nào trong thân thể, ngay cả trong những mùa nóng bức nhất. Họ mặc tới năm hay sáu váy lụa trơn, cái nọ chồng lên cái kia và tất cả có màu sắc khác nhau. Cái thứ nhất phủ dài xuống chấm đất, họ kéo lê rất trịnh trọng, khéo léo và uy nghiêm đến nỗi không trông thấy đầu ngón chân. Sau đó là cái thứ hai ngắn hơn cái thứ nhất chừng bốn hay năm đốt ngón tay, rồi tới cái thứ ba ngắn hơn cái thứ hai và cứ thế trong số còn lại theo tỉ lệ cái nọ ngắn hơn cái kia, để cho các màu sắc đều được phô bày trong sự khác biệt của mỗi tấm. Còn trên thân mình thì họ khoác vắt chéo như bàn cờ với nhiều màu sắc khác nhau, phủ lên trên tất cả một tấm voan rất mịn và mỏng cho người ta nhìn qua thấy tất cả màu sắc sỡ chẳng khác mùa xuân vui tươi và duyên dáng, nhưng cũng không kém trịnh trọng và giản dị”.<sup>(5)</sup>

Thật ra mấy lớp áo bên ngoài bị cắt thành các dải dài bên dưới thắt lưng mà C.Borri nhắc đến chỉ là cái xiêm cánh sen, hay xiêm y, mà người xưa mặc trước ngực hay dưới thắt lưng bên ngoài áo dài. Xiêm này có ba hoặc bốn lớp dải lụa may chồng lên nhau. Lớp dải trong cùng dài nhất, rồi các lớp bên ngoài ngắn dần. Từ trang phục này đến chiếc áo dài Ngũ thân hiện thấy là một hành trình dài trong việc sáng tạo, thiết kế của các nghệ nhân tài hoa trải qua các giai đoạn lịch sử.

Việc khai sinh ra chiếc áo dài Ngũ thân lại gắn liền với một sự kiện lịch sử đặc biệt quan trọng, đó là việc chúa Nguyễn Phúc Khoát (1738-1765) chính thức xưng vương hiệu và tiến hành một loạt chính sách để thể hiện Đàng Trong là một quốc gia độc lập. Sử chép rằng, khi chúa lên ngôi thì tại Thuận Hóa lan truyền câu sấm “*bát đại hoàn Trung đô*”, chúa Nguyễn Phúc Khoát muốn thay đổi vận mệnh nên quyết định chính thức lên ngôi vương, cho quy hoạch và xây dựng Đô thành Phú Xuân, hạ lệnh đổi mới phong tục, trang phục trên toàn cõi Nam Hà, bao gồm cả Lễ phục và Thường phục.<sup>(6)</sup> Với Lễ phục thì chúa cho “*tham khảo chế độ của các triều đại Trung Quốc, chế ra phẩm phục thường triều, đại triều, lấy làm mô thức, ban hành trong nước, văn chất đủ vẻ*”.

Với Thường phục, chúa bắt buộc dân chúng nam nữ đều phải dùng kiểu áo ngũ thân cổ dựng, cài khuy bên phải cùng với quần hai ống, trên đầu để tóc búi. Từ đây, áo bốn thân, váy, tóc vấn dần dần không còn xuất hiện phổ biến ở Đàng Trong: “*Nam nữ sĩ thứ trong nước đều mặc áo nhu bào, mặc quần, vấn khăn, tục gọi quần chân áo chít bắt đầu từ đây*”.<sup>(7)</sup>

Vậy là chiếc áo dài Ngũ thân được chúa Nguyễn Phúc Khoát sáng tạo, dành cho cả nam và nữ, được gọi dân dã là “quần chân áo chít” rất nhanh chóng được phổ biến ra toàn Đàng Trong và chỉ khoảng 30 năm sau nó đã trở thành trang phục chính thức và đặc trưng của Đàng Trong. Chính vì vậy, Hiệp trấn Tham tán quân cơ của quân đội Lê Trịnh - Lê Quý Đôn đã hết sức ngạc nhiên khi thấy trang phục của dân chúng Đàng Trong hoàn toàn khác với Đàng Ngoài. Với quan điểm của một viên quan cai trị triều Lê Trịnh, tháng 7 năm Bính Thân (1776), Lê Quý Đôn đã ra hiệu dụ, bắt dân chúng Đàng Trong sửa đổi lại cách ăn mặc theo kiểu người Đàng Ngoài: “*Năm Bính Thân, mùa xuân, đặt nha môn Trấn phủ; tháng 7 mới hiểu dụ rằng: “Y phục bản quốc vốn có chế độ, địa phương này từ trước cũng chỉ tuân theo quốc tục. Nay kính vâng thượng đức, dẹp yên cõi biên, trong ngoài như nhau, chính trị và phong tục phải nên thống nhất. Nếu còn có người mặc quần áo kiểu người khách thì nên đổi theo thể chế của nước nhà. Đổi may y phục thì theo tục nước mà thông dụng vải lụa, duy có quan chức thì mới cho dùng xen the, là, trù, đoạn, còn gấm vóc và các thứ hoa rỗng phượng thì nhất thiết không được quen thói cũ mà dùng càn. Thường phục thì đàn ông đàn bà dùng áo cổ đứng ngắn*



*tay, cửa ống tay hoặc rộng hoặc hẹp tùy tiện. Áo thì từ hai bên nách trở xuống phải khâu kín liền không cho xẻ mở. Duy đàn ông muốn mặc áo cổ tròn và hẹp tay cho tiện làm việc thì cũng được. Lễ phục thì dùng áo cổ đứng tay dài, vải xanh chàm hay vải đen, hay vải trắng, tùy nghi. Còn các bọc viền cổ và kết lót thì đều theo như điều hiểu dụ năm trước mà chế dùng”.*<sup>(8)</sup>

Dù vậy, do chính quyền Lê Trịnh chỉ tồn tại trong thời gian rất ngắn (năm 1786, quân Tây Sơn đã chiếm được Phú Xuân) nên lệnh cấm của Lê Quý Đôn hầu như không có tác dụng. Trang phục của người Đảng Trong hầu như không thay đổi, chiếc áo dài Ngũ thân vẫn là đặc trưng nổi bật của người Nam Hà.

Trong bài viết “Thay đổi trang phục dưới thời Võ vương hay là sự khủng hoảng về tôn giáo vào thế kỷ XVIII” đăng trên tập san *Những người bạn Cổ đô Huế* (BAVH, 1915), L.Cadière đã cố gắng tìm cách lý giải sự kiện Võ vương Nguyễn Phúc Khoát đã ban bố quy định thay đổi trang phục của dân chúng Đảng Trong dựa trên những thông tin mà ông sưu tầm được, chủ yếu là ở khía cạnh văn hóa tôn giáo. Ông cho rằng, “*hình như vào thời đó nước An Nam đang lâm vào một sự khủng hoảng tôn giáo, một cơn sốt về những lời tiên tri. Người ta cứ chờ đợi một việc gì sẽ xảy ra và tất cả sự kiện xảy đến bình thường hay kỳ lạ đều cho là liên quan đến sự chờ đợi sốt ruột ấy*”.<sup>(9)</sup> Mặt khác, để lý giải vấn đề này, L.Cadière nhắc đến một lời sấm truyền “*Bát thế hoàn trung đờ*” như một trong những cơ sở cốt yếu nhất để Võ vương đưa ra quyết định này. Ông dẫn lời của Johannis Koffler trong một câu chuyện kể về hoàn cảnh Võ vương Nguyễn Phúc Khoát tiếp nhận lời tiên tri: “*Xuất phát từ một lời tiên tri, hay nhiều lời tiên tri được loan truyền trong dân gian nên đã có những cải cách ấy. Các cuốn sử đã nói rõ điều này. Mới xem qua tình hình như mới liên quan chỉ có trong việc thay đổi trang phục. Nhưng nếu xét kỹ hơn về hai câu nói của nhà viết sử như vừa nêu trên, cũng như nhận xét về vị trí của hai câu nói đó, sau khi đã kể tên mọi sự thay đổi mà Võ vương đã làm, thì người ta thấy các thay đổi đó đều có liên quan chặt chẽ đến lời tiên tri. Chính vì lời tiên tri đó mà Võ vương cũng như dân bắt đầu hình thành một kỷ nguyên mới*”.<sup>(10)</sup>

Những thay đổi, theo cách gọi của L.Cadière là “*cải cách*”, là “*để thay đổi cái tình thế đã xảy ra những độn đại lan tràn trong vương quốc*”.<sup>(11)</sup> Điều này cho thấy, Võ vương Nguyễn Phúc Khoát đã hiểu rất sâu sắc vùng đất mà ông đang cai trị cần thiết có một hệ tư tưởng như thế nào là phù hợp, để an dân, để có kết các tầng lớp trong xã hội, cùng hướng về một mục tiêu chung thực hiện cuộc cải cách trang phục thành công trong toàn bộ vùng đất Đảng Trong. Từ cuộc cải cách trang phục trên, Võ vương Nguyễn Phúc Khoát đã đặt nền tảng đầu tiên cho sự ra đời của chiếc áo dài Ngũ thân truyền thống. Đồng thời, chiếc áo dài được chú trọng, trân quý và trở thành trang phục chính thức của người dân cả nam lẫn nữ ở vùng đất Đảng Trong.

Sang triều Nguyễn (1802-1945), triều đình muốn thống nhất y phục hai miền khởi đầu từ vua Gia Long (nổi tiếp việc sửa đổi của Võ vương Nguyễn Phúc Khoát), rồi đến thời vua Minh Mạng đã được thi hành một cách quyết liệt. Từ quan điểm cần thống nhất, tự chủ về mặt văn hóa ở phương diện trang phục, vua Minh Mạng đã ban hành nhiều quy định thay đổi trang phục để tạo ra sự thống nhất giữa hai miền Nam, Bắc, nhưng ngại sự tốn kém khó khăn do dân chúng còn nghèo, nên không buộc phải gấp rút tuân hành. Quốc Sử Quán triều Nguyễn có ghi lại, vào năm Minh Mạng thứ 8 (1827), nhà vua xuống dụ: *“Nhà nước ta cõi đất hợp một, chính trị, phong tục há nên có khác? Tháng trước các trấn thần lần lượt xin đổi áo mặc cho sĩ dân, đã từng theo như lời xin. Nay các hạt ở Bắc thành cũng nên kịp thời sửa đổi lại để cho được đồng nhất. Nhưng thay đổi phong tục, là việc mới bắt đầu làm, mà dân gian nghèo giàu không đều, về sự nhu cầu mặc, tất nên rộng hạn cho ngày tháng. Vậy thiết tha xuống dụ này: Các người đại thần nên sức khắp cho sĩ dân trong hạt: Phàm cách thức áo mặc đổi theo cách thức Quảng Bình trở vào Nam, chuẩn cho đến cuối mùa xuân năm Minh Mạng thứ 10, nhất tề sửa đổi lại, để nêu ý nghĩa “vâng theo phép vua”.*<sup>(12)</sup>

Từ thời điểm này áo dài năm thân,<sup>(13)</sup> cổ đứng, gài 5 khuy bên phải kèm với cái quần hai ống được chính thức công nhận là quốc phục của nước Việt Nam, phổ biến từ trong cung đình ra đến dân gian. Sau khi quy định của vua Minh Mạng được tuyên cáo toàn dân, khiến dân tình xôn xao, phản ứng bằng 4 câu ca dao:

*“Tháng Tám có chiếu vua ra,  
Cắm quần không đậy, người ta hãi hùng.  
Không đi thì chợ không đông,  
Đi thì bóc lột quần chồng sao đang?”*

Sự việc này cho thấy, thời nào cũng vậy, việc cải tiến trang phục, cách tân thời trang, lúc đầu đều có một lực lượng nhất định ủng hộ, nhưng sẽ có không ít người chống đối, bài xích. Vì vậy, mệnh lệnh của triều đình không được thi hành một cách triệt để trong toàn quốc, đến năm Đinh Dậu, niên hiệu Minh Mạng thứ 18 (1837), nghĩa là 10 năm sau, nhà vua lại ban dụ với thái độ quyết liệt: *“Ngày trước, từ Linh Giang [sông Gianh] trở ra Bắc, dân vẫn mặc y phục như tục cũ. Đã ban dụ truyền lệnh sửa đổi theo y phục từ tỉnh Quảng Bình trở vào miền trong, để phong tục đồng nhất. Lại cho thời hạn rộng rãi, khiến dân được thông thả may sắm quần áo. Từ năm Minh Mạng thứ 8 đến nay, đã mười năm rồi, vẫn nghe nói dân chưa sửa đổi. Vả lại, từ tỉnh Quảng Bình trở vào Nam, mũ khăn, quần áo đều theo cách của nhà Hán, nhà Minh, xem khá tề chỉnh. Theo phong tục cũ của người miền Bắc, con trai đóng khố, con gái mặc áo thắt vạt, dưới mặc váy. Đẹp xấu đã thấy rõ rệt. Có kẻ đã theo tục tốt, cũng có kẻ vẫn giữ nguyên thói cũ, phải chăng*

*có ý làm trái mệnh trên? Các tỉnh thân nên đem ý ấy mà chỉ bảo, khuyên dụ nhân dân. Hạn trong năm nay, phải nhất tề thay đổi. Nếu đầu năm sau còn giữ theo y phục cũ, sẽ bị tội”.*<sup>(14)</sup>

Hành động quyết liệt về cải cách trang phục của vua Minh Mạng đã tạo cơ hội cho các tầng lớp nhân dân được mặc áo dài Ngũ thân thường xuyên và dần dần đi vào nền nếp trong đời sống hàng ngày. Từ đó, áo dài Huế - áo dài Ngũ thân đã lan tỏa ra khắp cả nước.

Trong một công trình nghiên cứu công phu về lịch sử trang phục Việt Nam, nhà nghiên cứu Trần Quang Đức cho rằng: “... *dạng áo cổ đứng cài khuy kết hợp với quần hai ống là trang phục được phổ biến tại vùng Đàng Trong Việt Nam từ năm 1744. Chỉ sau khi nhà Nguyễn thống nhất đất nước, đặc biệt dưới triều vua Minh Mạng, bộ trang phục này mới từng bước thay thế các dạng trang phục cổ cựa của Đàng Ngoài, trở thành trang phục chung cho đàn ông và đàn bà, thường được gọi cái tên ngắn gọn là Áo dài*”.<sup>(15)</sup>

Như vậy, chiếc áo dài Ngũ thân được sản sinh ra tại Phú Xuân - Huế thời chúa Nguyễn Phúc Khoát đã được phổ biến và nâng tầm lên thành bộ quốc phục của các tầng lớp nhân dân Việt Nam thời Hoàng đế Minh Mạng. Cho đến nay bộ trang phục đặc biệt này đã có hơn 276 năm lịch sử. Bởi vậy, vẻ đẹp cổ điển và các giá trị văn hóa phong phú của nó đã được thử thách và khẳng định.

#### **4. Thay lời kết**

Võ vương Nguyễn Phúc Khoát và vua Minh Mạng đã có công lao rất lớn trong việc đề xuất chủ trương và thực thi cải tổ triều phục (Lễ phục), cải cách trang phục (Thường phục) ở vùng đất Đàng Trong và toàn bộ nước Việt Nam (từ năm 1838 là Đại Nam) trong lịch sử. Nếu như Võ vương Nguyễn Phúc Khoát có công khai sinh ra chiếc áo dài Ngũ thân - áo dài Huế, thì vua Minh Mạng có công đưa chiếc áo dài ấy trở thành trang phục sử dụng phổ biến từ Bắc đến Nam, trong đó Huế giữ vị thế là Kinh đô của áo dài Việt Nam. Vấn đề cải cách trang phục dưới thời Võ vương Nguyễn Phúc Khoát và vua Minh Mạng không chỉ dừng lại ở hình thức, mà còn phản ánh tinh thần thống nhất, tự chủ về văn hóa. Từ đó, áo dài đã trở thành trang phục chính thức của mọi tầng lớp trong xã hội, mang đậm bản sắc văn hóa Việt, không lẫn lộn với trang phục của các dân tộc khác, để chính thức trở thành quốc phục dân tộc Việt Nam.

Trải qua nhiều thăng trầm của lịch sử, chiếc áo dài vẫn luôn được coi là trang phục truyền thống không thể thiếu của mỗi người dân xứ Huế từ xưa cho đến nay. Nếu đối với nữ, chiếc áo dài là trang phục tôn vinh vẻ kín đáo, dịu dàng làm toát lên nét duyên dáng, thanh lịch của người con gái Huế, thì áo dài nam lại là trang phục



mang nét trang trọng, lịch lãm và nghiêm cẩn tạo nên tâm hồn, tính cách của người đàn ông. Bên cạnh đó, áo dài còn thể hiện những giá trị đặc sắc về đạo đức, thẩm mỹ, là một di sản văn hóa sống động, sản phẩm du lịch độc đáo của mảnh đất Cố đô Huế cần được bảo vệ và phát huy giá trị trong bối cảnh đương đại. Đây cũng chính là lý do khiến Huế cần đầu tư nghiên cứu để khôi phục lại vị thế và thương hiệu “Kinh đô áo dài” của Việt Nam, nhất là trong bối cảnh chúng ta đang nỗ lực triển khai thực hiện Nghị quyết 54-NQ/TW của Bộ Chính trị để xây dựng và phát triển Thừa Thiên Huế trở thành một đô thị di sản đặc thù - thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn và phát huy các giá trị di sản, văn hóa truyền thống.

## P T H

### CHÚ THÍCH

- (1) Dưới vương triều Nguyễn, quốc hiệu Việt Nam tồn tại trong thời gian 34 năm (1804-1838). Sau khi lên nối nghiệp vua Gia Long, vua Minh Mạng đã cho thay đổi quốc hiệu là Đại Nam hay Đại Việt Nam Quốc vào năm 1838. Trên thực tế, quốc hiệu Đại Nam tồn tại từ 1838 đến 1945 (107 năm).
- (2) Trong các triều đại quân chủ phong kiến phương Đông, trình độ văn minh của các triều đại được đánh giá qua chế độ Y quan (áo mũ) và Lễ nhạc. Các triều đại quân chủ Việt Nam cũng đặc biệt quan tâm đến điều này, vì vậy thường ngay sau khi giành được độc lập sẽ cho nghiên cứu áp dụng ngay chế độ Y quan và Lễ nhạc phù hợp. Tương truyền, năm 1407, khi bị triều Minh bắt và giải qua Kim Lăng (Trung Quốc), Hồ Quý Ly đã tự hào khẳng định: “Y quan Đường chế độ/ Lễ nhạc Hán quân thần” (tức: Áo mũ như thể chế nhà Đường/Lễ nhạc tương tự như nhà Hán), hàm ý nước ta đạt trình độ văn minh không kém gì các triều đại rực rỡ nhất của Trung Hoa. Thơ ngự chế khắc trên kiến trúc cung đình Huế cũng có câu: “Y quan Chu chế độ/ Lễ nhạc Hán uy nghi” (Áo mũ theo thể chế nhà Chu, Lễ nhạc uy nghiêm như nhà Hán).
- (3) Lê Quý Đôn. (1972). *Phủ biên tạp lục*. Tập 1. Quyển 1, 2 và 3. (Lê Xuân Giáo dịch). Phủ Quốc Vụ Khanh đặc trách văn hóa xuất bản. Sài Gòn, tr. 111 - 112.
- (4) Trần Trọng Kim. (1999). *Việt Nam sử lược*. Nxb Văn hóa thông tin. Hà Nội, tr. 493 - 494.
- (5) Cristophoro Borri. (2016). *Xứ Đàng Trong năm 1621*. (Hồng Huệ, Nguyễn Khắc Xuyên, Nguyễn Nghị dịch, chú giải). Nxb Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, tr. 54 - 55.
- (6) Sách *Đại Nam thực lục* do Quốc Sử Quán triều Nguyễn biên soạn có đoạn chép sau: “*Chúa cho rằng lời sấm có nói: “Tám đời trở lại trung đô”, bèn đổi y phục, thay phong tục, cùng dân đổi mới; châm chước chế độ các đời, định triều phục văn võ (văn từ chức Quản bộ đến Chiêm hậu, Huân đạo; võ từ Chuồng dinh đến Cai đội, mũ sức vàng bạc, áo dùng măng bào hoặc gấm đoan, theo cấp bậc). Thế là văn vật một phen đổi mới*”. Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (2002). *Đại Nam thực lục tiền biên*. Tập 1. Bản dịch Viện Sử học. Nxb Giáo dục, tr. 153.
- (7) Dẫn theo Trần Quang Đức. (2014). *Ngàn năm áo mũ*. Nxb Thế giới - Công ty Văn hóa và Truyền thông Nhã Nam, tr. 260.
- (8) Lê Quý Đôn. (1977). *Lê Quý Đôn toàn tập*. Tập 1: *Phủ biên tạp lục*. Bản dịch của Viện Sử học. Nxb KHXH. Hà Nội, tr. 334.

- (9) L. Cadière. (1997). “Thay đổi trang phục dưới thời Võ vương hay là sự khủng hoảng về tín ngưỡng vào thế kỷ XVIII”. *Những người bạn Cổ đô Huế (BAVH)*. 1915. Nxb Thuận Hóa. Huế, tr. 405 - 406.
- (10) L. Cadière. (1997). “Thay đổi trang phục dưới thời Võ vương hay là sự khủng hoảng về tín ngưỡng vào thế kỷ XVIII”. *Bđd*, tr. 409.
- (11) L. Cadière. (1997). “Thay đổi trang phục dưới thời Võ vương hay là sự khủng hoảng về tín ngưỡng vào thế kỷ XVIII”. *Bđd*, tr. 408.
- (12) Nội Các triều Nguyễn. (1993). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*. Tập 6. Bản dịch Viện Sử học. Nxb Thuận Hóa. Huế, tr. 216 - 217.
- (13) Áo dài 5 thân gồm 2 khổ vải được may nối lại với nhau thành thân trước, có một thân phụ nằm phía dưới về phía bên phải. Người ta quan niệm rằng, bốn thân áo bên ngoài tượng trưng cho tứ thân phụ mẫu là cha mẹ mình và cha mẹ người phối ngẫu, còn thân áo thứ 5 tượng trưng cho người mặc. Áo luôn có 5 cúc (khuy) thể hiện đạo lý làm người Nhân - Lễ - Nghĩa - Trí - Tín và ngũ hành theo triết học Đông phương (Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ)...
- (14) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (1972). *Minh Mạng chính yếu*. Tập 3. Bản dịch của Võ Khắc Văn và Lê Phục Thiện. Ủy ban dịch thuật Phủ Quốc Vụ Khanh đặc trách văn hóa xuất bản. Sài Gòn, tr. 282.
- (15) Trần Quang Đức. (2014). *Ngàn năm áo mũ*. Sđd, tr. 265.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cristophoro Borri. (2016). *Xứ Đàng Trong năm 1621*. (Hồng Nhuệ, Nguyễn Khắc Xuyên, Nguyễn Nghị dịch, chú giải). Nxb Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
2. L. Cadière. (1997). “Thay đổi trang phục dưới thời Võ vương hay là sự khủng hoảng về tín ngưỡng vào thế kỷ XVIII”. *Những người bạn Cổ đô Huế (BAVH)*. (1915). Nxb Thuận Hóa. Huế.
3. Lê Quý Đôn. (1972). *Phủ Biên tạp lục*. Tập 1. Quyển 1, 2 và 3. Lê Xuân Giáo dịch. Phủ Quốc Vụ Khanh đặc trách văn hóa xuất bản. Sài Gòn.
4. Nội Các triều Nguyễn. (1993). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*. Tập 6. Bản dịch Viện Sử học. Nxb Thuận Hóa. Huế.
5. Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (2002). *Đại Nam thực lục tiền biên*. Tập 1. Bản dịch Viện Sử học. Nxb Giáo dục.
6. Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (1972). *Minh Mạng chính yếu*. Tập 3. Bản dịch của Võ Khắc Văn và Lê Phục Thiện. Ủy ban dịch thuật Phủ Quốc Vụ Khanh đặc trách văn hóa xuất bản. Sài Gòn.
7. Trần Quang Đức. (2014). *Ngàn năm áo mũ*. Nxb Thế giới - Công ty Văn hóa và Truyền thông Nhã Nam.
8. Trần Trọng Kim. (1999). *Việt Nam sử lược*. Nxb Văn hóa thông tin. Hà Nội.

## TÓM TẮT

Áo dài từ lâu đã trở thành trang phục truyền thống, niềm tự hào và là một trong những biểu tượng văn hóa của dân tộc Việt Nam. Nhìn lại lịch sử hình thành và phát triển của chiếc áo dài, Cố đô Huế tự hào là chiếc nôi sản sinh ra áo dài với vai trò đặc biệt của Võ vương Nguyễn Phúc Khoát (người có công lớn trong việc cải cách trang phục Đàng Trong từ năm 1744 và khai sinh ra chiếc áo Ngũ thân) và Hoàng đế Minh Mạng (người đã phổ biến, nâng tầm và tôn vinh để chiếc áo dài trở thành quốc phục của nước ta). Bài viết này từ việc phân tích bối cảnh lịch sử và diễn biến công cuộc cải cách trang phục dưới thời Võ vương và vua Minh Mạng để chứng minh rằng, việc cải cách trang phục đó nhằm mục đích thể hiện tư tưởng thống nhất, tự chủ về văn hóa của triều đại; tạo cơ sở quan trọng cho sự hình thành, phát triển chiếc áo dài Huế - áo dài Ngũ thân, để nó dần dần trở thành quốc phục chính thức của dân tộc Việt Nam.

## ABSTRACT

### **FROM THE COSTUME REFORM UNDER THE REIGNS OF LORD VÕ VƯƠNG NGUYỄN PHÚC KHOÁT AND EMPEROR MINH MẠNG FOR UNIFIED IDEOLOGICAL THINKING, CULTURAL AUTONOMY**

Áo dài (Traditional dress) has long been the traditional costume, the pride and also one of the cultural symbols of the Vietnamese nation. In looking back its history of formation and development, Huế Ancient Capital could be proud of being the cradle that gave birth to the áo dài with the special role of Lord Võ vương Nguyễn Phúc Khoát (who was of great merit in reforming the costume of Cochinchina since 1744, and gave birth to the “Áo dài Ngũ thân” - the Five-flaps dress), and that of Emperor Minh Mạng (who popularized, advanced and honored it to be the National costume of Vietnam). This writing analyses the historical context and the details of costume evolution under the reigns of Lord Võ vương and Emperor Minh Mạng to prove the fact that the mentioned costume evolution was to reflect the unified ideology and cultural autonomy of the Dynasty. Additionally, the evolution helped create an important basis for its formation and development, due to this one could gradually become the official National costume of Vietnam.